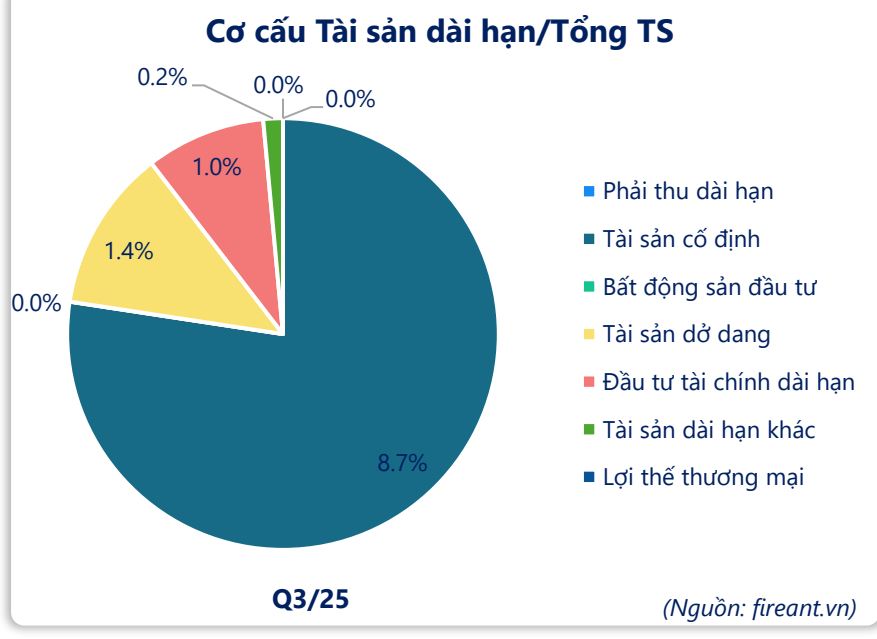
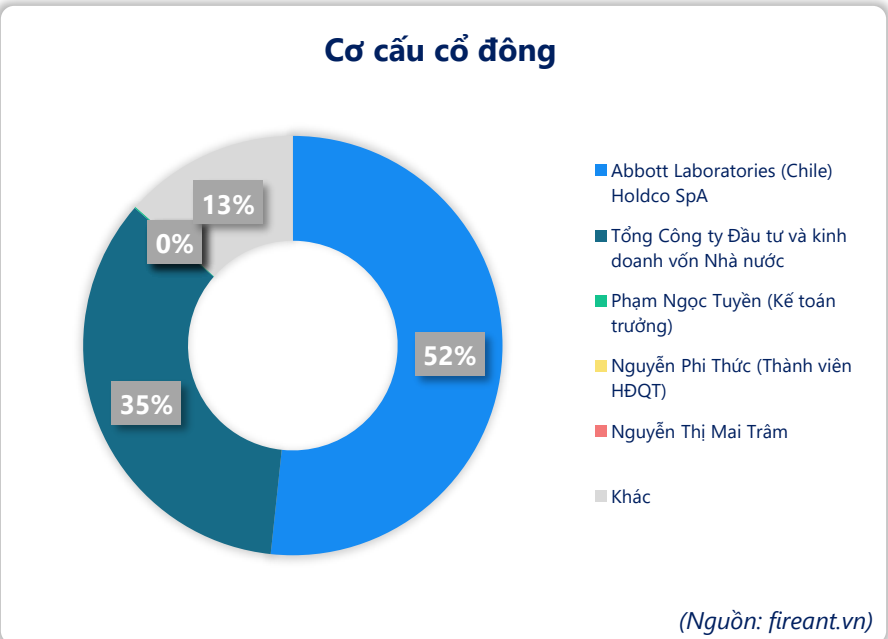
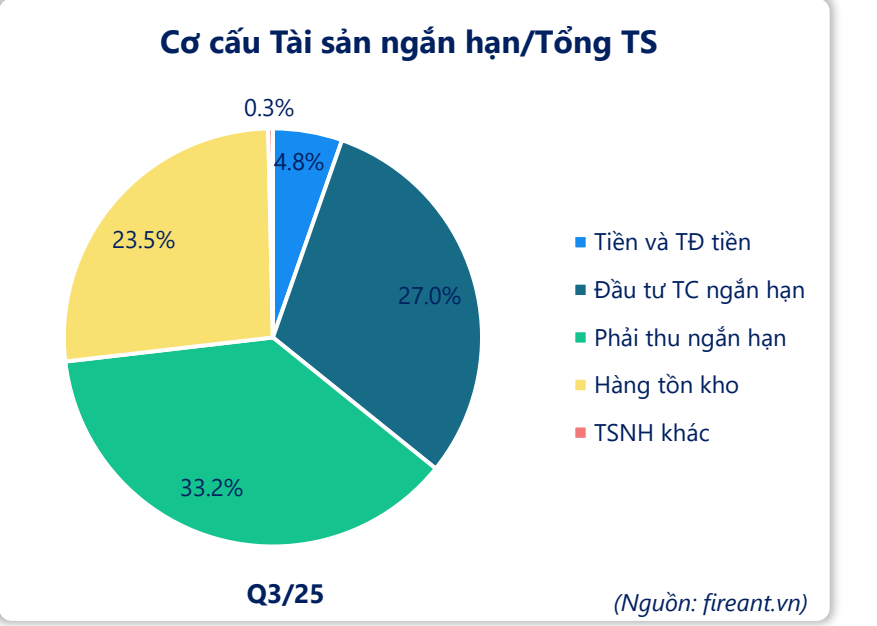
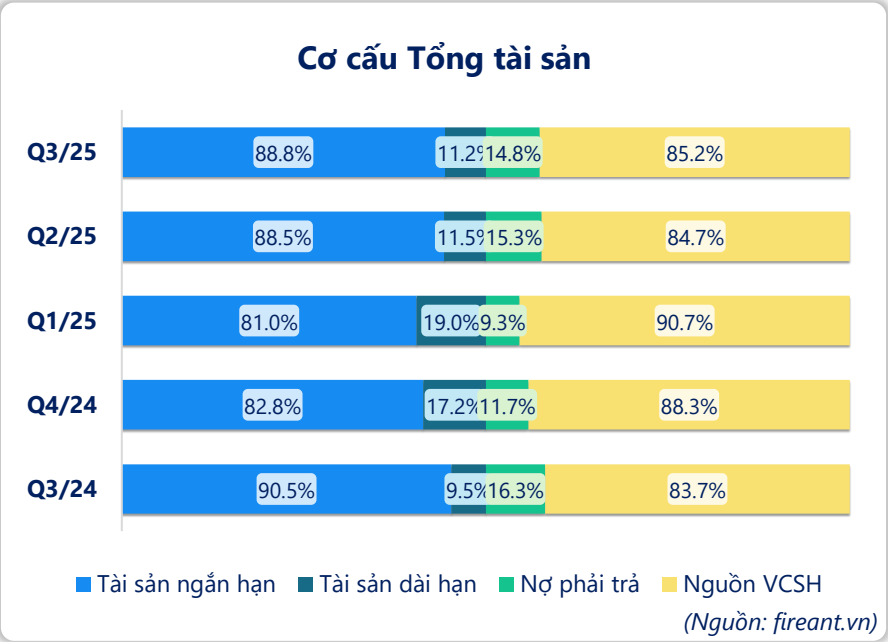
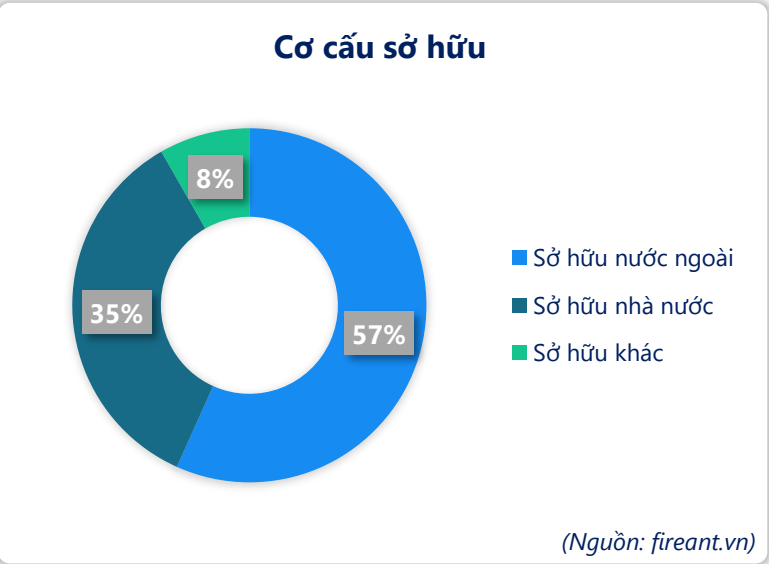
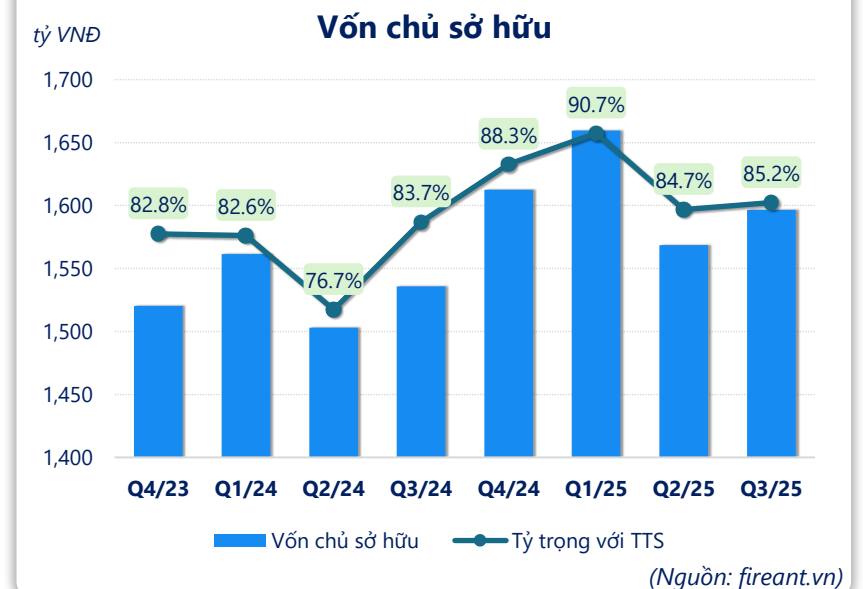
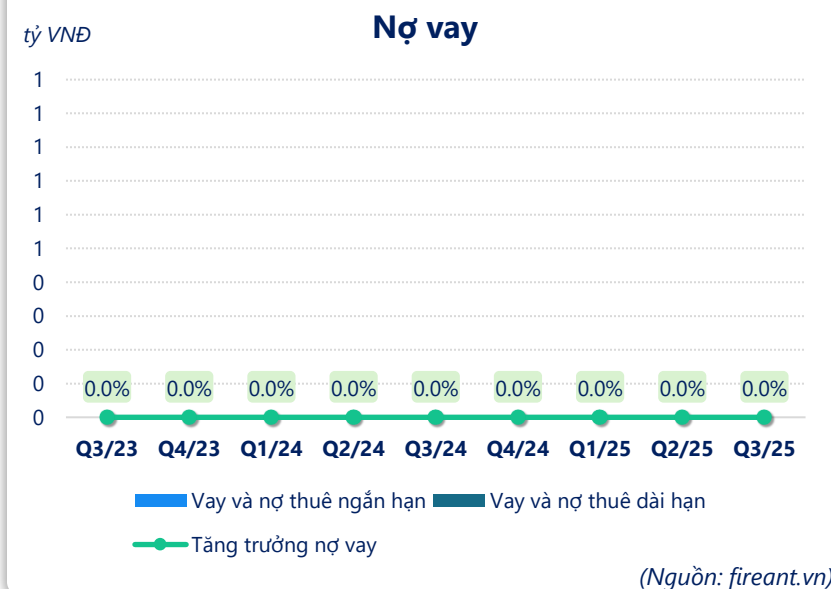
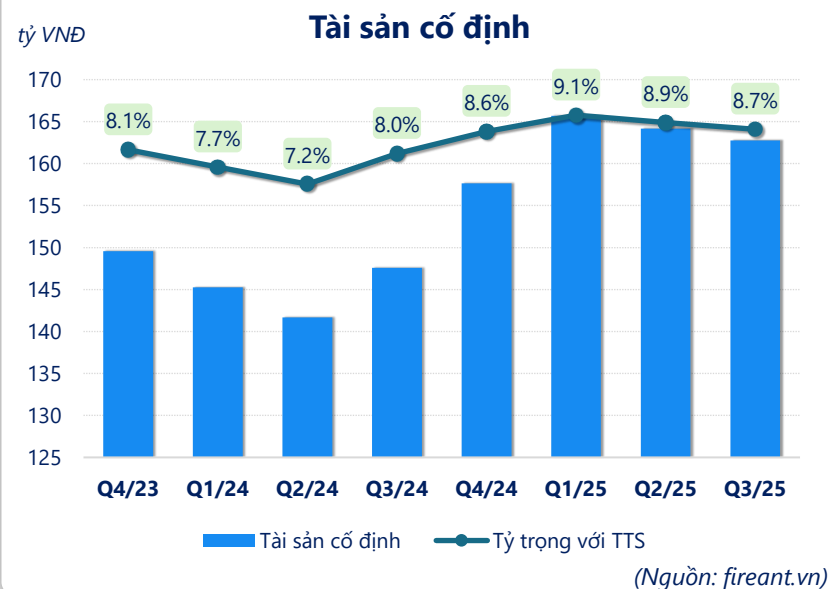
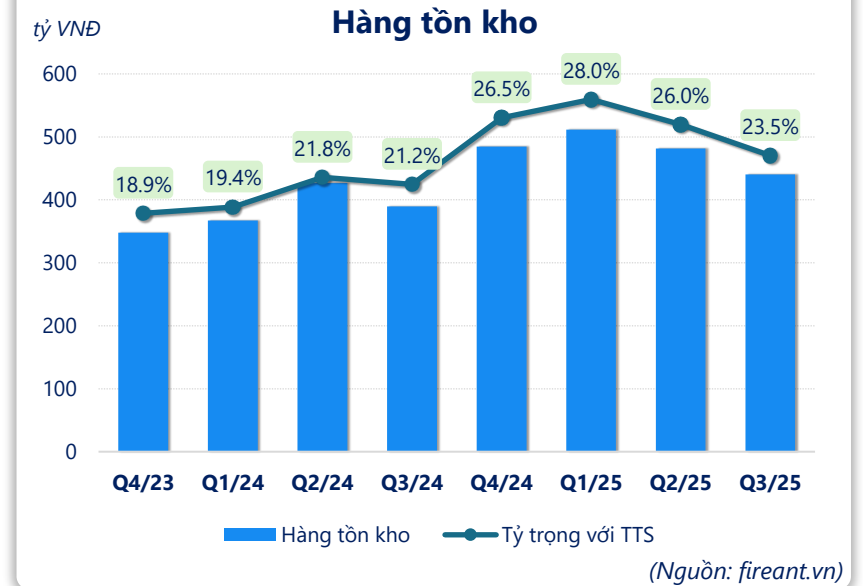
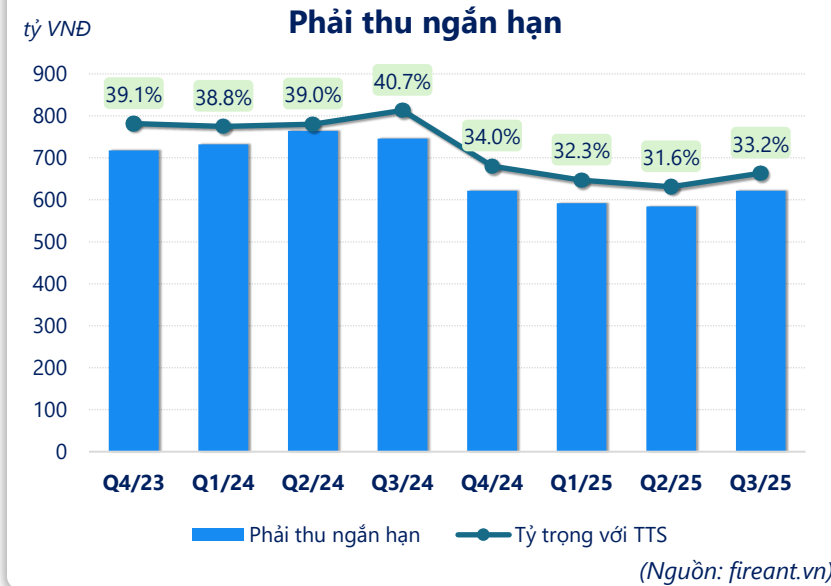
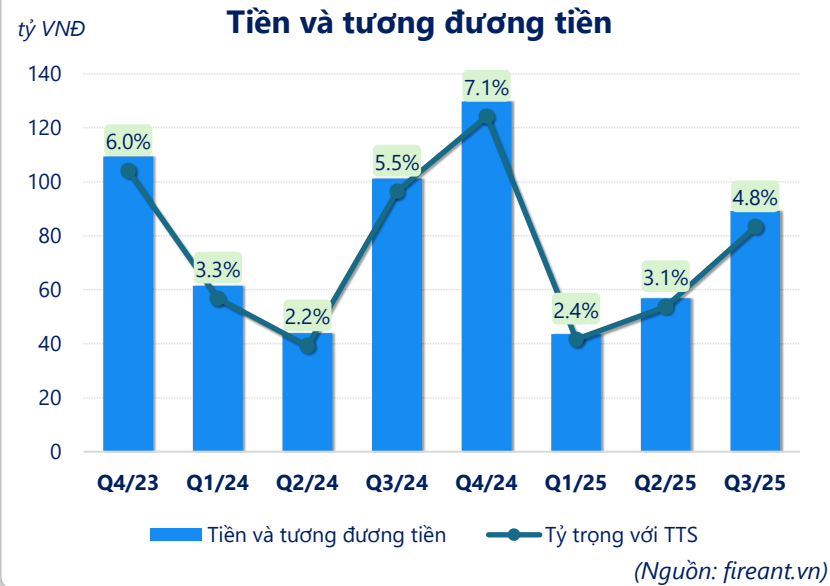
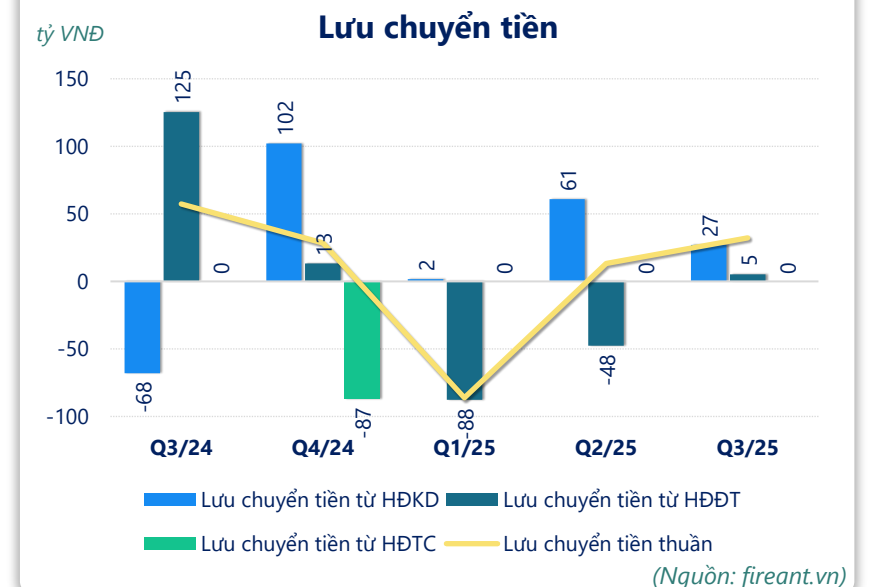
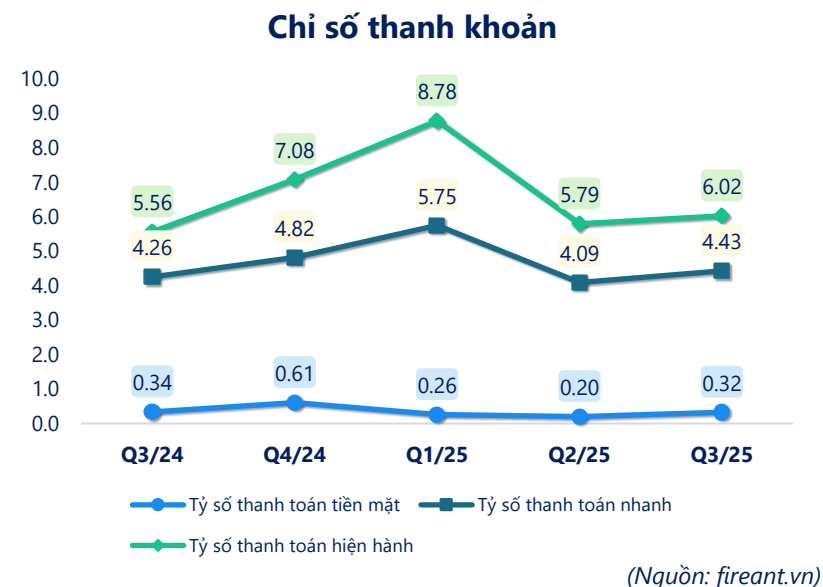
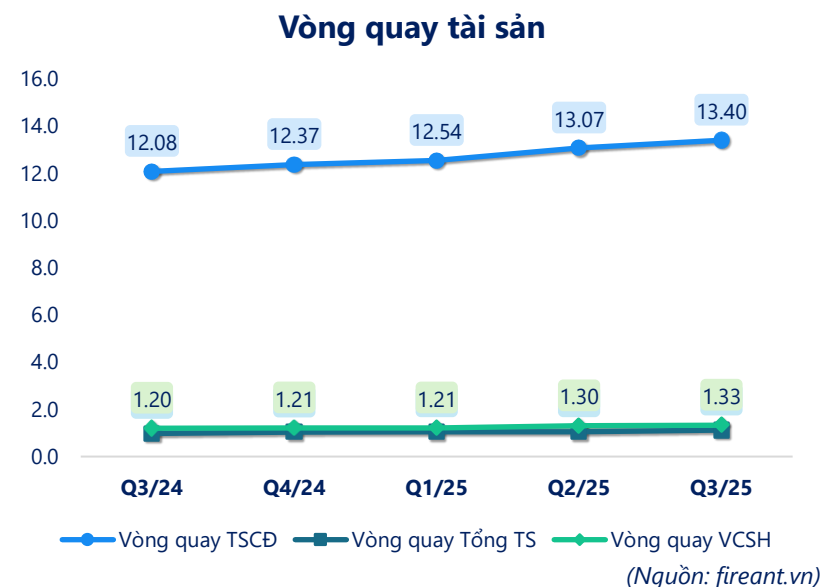
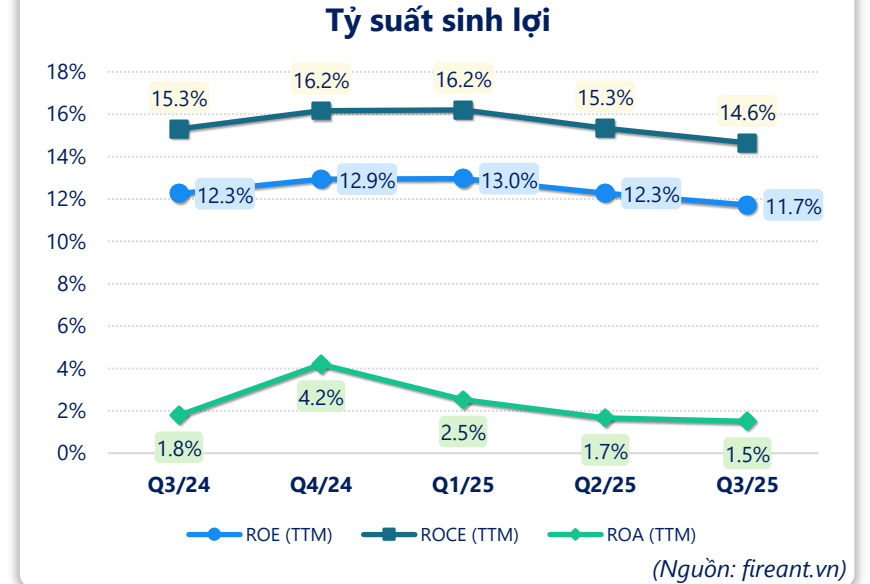
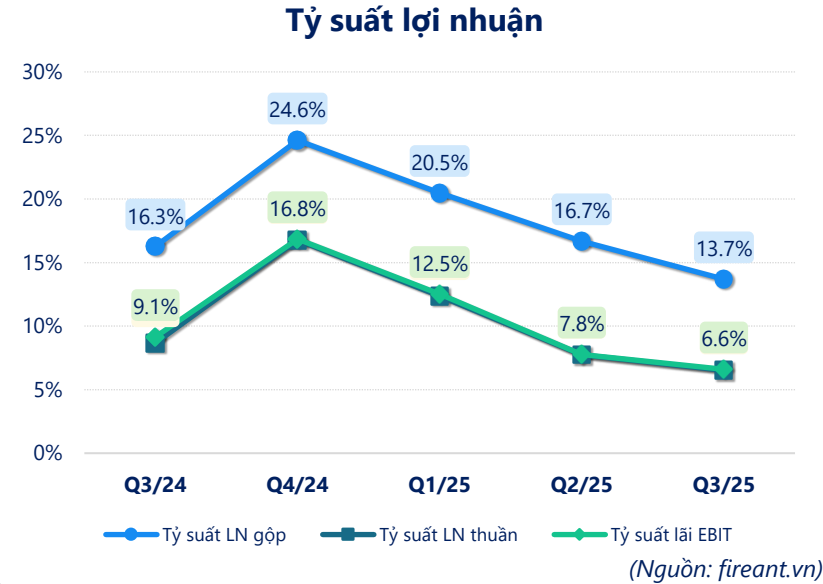
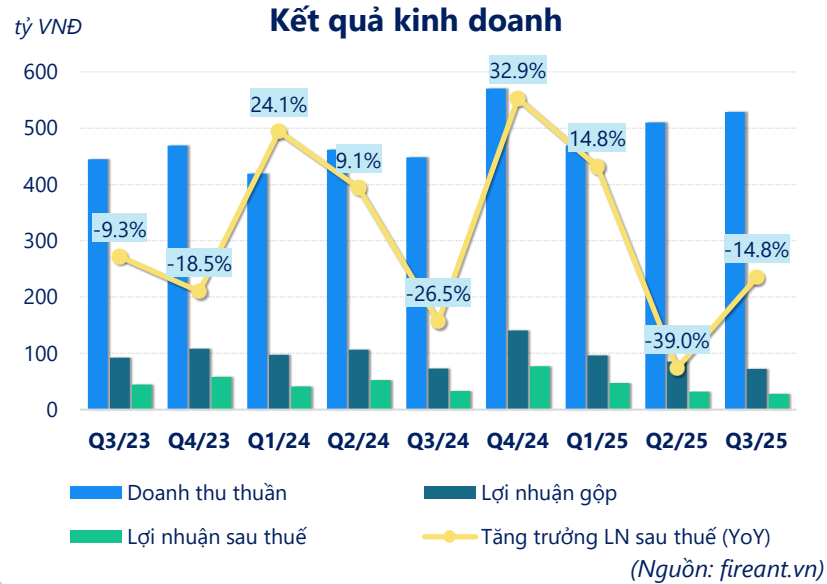


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		60,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		79,827
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		51,743
SL cổ phiếu LH		34,727,465
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,565
% sở hữu nước ngoài		56.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,104
P/E		11.5
EPS		5,285

	YTD	1T	3T	6T
DMC	-14.0%	-1.4%	0.5%	-7.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,873	1,841	1.8%
Tài sản ngắn hạn	1,663	1,527	8.9%
Tiền và tương đương tiền	89.2	130	-31.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	506	274	84.7%
Phải thu ngắn hạn	621	622	-0.2%
Hàng tồn kho	440	494	-10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	6.03	7.01	-14.1%
Tài sản dài hạn	210	313	-32.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	163	158	3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.6	24.7	3.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.9	128	-85.3%
Tài sản dài hạn khác	3.09	2.65	16.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	277	228	21.3%
Nợ ngắn hạn	276	228	21.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	129	161	-20.1%
Nợ dài hạn	0.53	0.46	14.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,596	1,613	-1.0%
Vốn chủ sở hữu	1,596	1,613	-1.0%
Vốn điều lệ	347	347	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	448	571	469	510	529
Giá vốn hàng bán	375	430	373	425	456
Lợi nhuận gộp	72.9	140	96.1	85.1	72.4
Doanh thu HĐTC	11.3	3.29	11.8	2.24	8.34
Chi phí TC	0.19	1.19	1.18	3.60	0.80
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	26.5	27.4	28.1	25.3	25.8
Chi phí QLDN	18.7	19.4	20.5	19.0	19.7
LN thuần từ HĐKD	38.8	95.7	58.0	39.5	34.5
Lợi nhuận khác	2.19	0.38	0.78	0.17	0.44
LN trước thuế	41.0	96.1	58.8	39.7	34.9
Lợi nhuận sau thuế	32.8	76.9	47.0	31.7	27.9
LNST của CĐ cty mẹ	32.8	76.9	47.0	31.7	27.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-68.0	102	1.57	60.8	27.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	125	13.1	-87.7	-47.5	5.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-86.8	0	0	0
Tiền đầu kỳ	43.9	101	130	43.6	56.9
Lưu chuyển tiền thuần	57.3	28.5	-86.2	13.3	32.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	101	130	43.6	56.9	89.2

(Nguồn: fireant.vn)